

ULTRAPLEX FG (RANGE)

HIGH-PERFORMANCE FOOD GRADE GREASE

MIÊU TẢ

ULTRAPLEX FG là loại mỡ bôi trơn dùng cho tải trọng cao và thời gian dài trong điều kiện môi trường khắc nghiệt. Sản phẩm được pha chế từ gốc dầu trắng y tế và hydrocarbon tổng hợp, được tăng cường bằng các chất phụ gia và chất bôi trơn rắn để cải thiện hiệu suất. Chất làm đặc dạng xà phòng Aluminium complex được sử dụng, có khả năng chịu nhiệt cao.

ỨNG DỤNG

Sản phẩm này đặc biệt thích hợp để bôi trơn các điểm hở hoặc kín trong điều kiện làm việc khắc nghiệt: tiếp xúc với độ ẩm môi trường, rung động, hơi nước, bụi bẩn, tải trọng và áp suất cao. Nhờ các đặc tính của nó, thời gian bôi trơn có thể được kéo dài.

Dành cho các ổ trượt và ổ bi hoạt động ở tốc độ trung bình trong điều kiện môi trường khắc nghiệt với hệ số tốc độ lên đến khoảng 500.000 (hệ số tốc độ: đường kính trung bình của ổ bi tính bằng mm x tốc độ quay tính bằng vòng/phút)...

Đặc biệt thích hợp để ứng dụng tại các nhà máy đóng chai, nhà máy đóng gói thực phẩm (máy đóng nắp trong

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

ngành công nghiệp thực phẩm đóng hộp và kho chứa rau quả), máy ép viên, nhà máy lọc nước, v.v.

ULTRAPLEX FG 00 / 0

⇒ Thích hợp cho hộp số và hệ thống bôi trơn trung tâm.

ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

- Khả năng bám dính và làm kín tuyệt vời, ngay cả khi có nước lạnh hoặc nóng, nước muối và hơi nước.
- Bảo vệ chống ăn mòn.
- Nhiệt độ hoạt động từ -20° đến +130° C. Có thể chịu được nhiệt độ đỉnh điểm lên đến 180° C.
- Khả năng chống lão hóa và lực cắt cao.
- Khả năng chịu tải và áp suất cực cao.

CẤP CHẤT LƯỢNG

- ISO – L – XBGIB 00 / 0 / 1 / 2
- Certified NSF H1 / HALAL / KOSHER



	Method	Typical values				Un.
	ULTRAPLEX FG ...	00	0	1	2	-
Appearance		White-yellowish grease				
Penetration at 25 °C	ASTM D-217	415	370	325	284	mm ⁻¹
Variation at 10 ⁵ strokes	ASTM D-217	n.a.	n.a.	375	324	mm ⁻¹
Dropping point	ASTM D 566	n.a.	240	240	240	°C
Base oil viscosity	ASTM D 445	150				cSt
Wear scar, 4 ball test	ASTM D 2266	0,55	0,55	0,55	0,55	mm
Welding load, 4 ball test	ASTM D 2596	315				kg
Water resistance at 90 °C	DIN 51807/T1	n.a.	n.a.	0	0	
Oil separation	IP - 121	n.a.	n.a.	6	4,1	%
Nº Register NSF		149205	149206	149207	149208	
Nº Register Halal	IH-682/2.4/B/76	/4/7	/4/8	/4/9	/4/10	
Nº Register Kosher		UKF0764069	UKF0764762	UKF0763790	UKF0763819	

(*) n.a.- not applicable

Thông tin được cung cấp trong tài liệu này dựa trên kiến thức tốt nhất của chúng tôi tại thời điểm sửa đổi được chỉ định và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Thông tin này không miễn trừ người dùng khỏi việc thử nghiệm sản phẩm trong ứng dụng của riêng họ. Dữ liệu được chỉ định thể hiện giá trị trung bình và không cấu thành thông số kỹ thuật của sản phẩm. Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ Bộ phận Hỗ trợ Kỹ thuật của COGELSA. COGELSA không chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do sử dụng sản phẩm không đúng cách gây ra.